

Thông báo kết quả Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI

Ngày 29 và 30/9/2022, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre khóa XI tổ chức Hội nghị lần thứ 10 mở rộng sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy 9 tháng đầu năm, xác định những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2022; thảo luận cho ý kiến các nội dung: Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Báo cáo sơ kết 04 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của BCH TW Đảng khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gắn với sơ kết thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển Bến Tre về hướng Đông giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng – an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Chương trình thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Chương trình thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; các chương trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII gồm: Nghị quyết số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao, Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 20-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 21-NQ/TW về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới. Tham dự Hội nghị có đại biểu Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương. Đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

1. Đối với kết quả thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy 9 tháng đầu năm 2022, Hội nghị thống nhất nhận định:

Việc tổ chức quán triệt, phổ biến chủ đề “Đồng thuận - Sáng tạo - Phát triển” đã tạo sự thống nhất nhận thức, hành động trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên

chức, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước phục hồi và đạt được một số kết quả quan trọng trên các lĩnh vực: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 6,53%; thu ngân sách bảo đảm tiến độ thu so với dự toán giao; đã khởi công xây dựng Cầu Rạch Miễu 2 đúng tiến độ kế hoạch; tình hình xâm nhập mặn được kiểm soát tốt; số doanh nghiệp thành lập mới tăng cao, nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu các cơ hội hợp tác đầu tư; hoạt động du lịch đã phục hồi, lượng khách và doanh thu tăng mạnh; chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) tăng 07 bậc so cùng kỳ. Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo được thực hiện đúng, đủ và kịp thời. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội được kiềm chế, kéo giảm; hoàn thành tốt kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và 02 huyện Bình Đại, Châu Thành. So với chỉ tiêu Nghị quyết năm 2022, 09 tháng đầu năm 2022 có 03/25 chỉ tiêu đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết¹; 06/25 chỉ tiêu xấp xỉ đạt²; 03/25 chỉ tiêu đạt trên 80%³; 05/25 chỉ tiêu đạt trên 70%⁴; 02/25 chỉ tiêu đạt trên 60%⁵; 03 chỉ tiêu còn lại đạt dưới 60%⁶. Riêng 03 chỉ tiêu: GRDP bình quân đầu người; cơ cấu kinh tế; giảm tỷ lệ hộ nghèo sẽ được thống kê, đánh giá vào cuối năm.

Bên cạnh kết quả đạt được, một vài địa phương triển khai cụ thể hoá thực hiện một số chủ trương của tỉnh còn chậm. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế nhất định: Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ODA thấp⁷; một số công trình trọng điểm của tỉnh còn vướng công tác giải phóng mặt bằng⁸; tiến độ triển khai các dự án đô thị trọng điểm còn chậm, nhất là các dự án đã xác định được nhà đầu tư⁹. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ hợp tác, hợp tác xã còn

¹ (1) Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch; (2) Chi bộ được công nhận trong sạch, vững mạnh toàn diện; (3) kết nạp đảng viên.

² (1) Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (2) Giường bệnh/vận dân và bác sĩ/vận dân đạt; (3) Tỷ lệ tham gia BHYT, BHXH, BHTN; (4) Tỷ lệ đô thị hóa; (5) Đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP; (6) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

³ (1) Tổ chức diễn tập tỉnh, huyện, xã; (2) Giải quyết việc làm cho lao động; (3) Huấn luyện lực lượng dự bị động viên, DQTV.

⁴ (1) Tốc độ tăng trưởng GRDP; (2) Tổng kim ngạch xuất khẩu; (3) Thu NSNN; (4) Xây dựng nông thôn mới; (5) Giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố;

⁵ (1) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; (2) Tỷ lệ tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 cho các độ tuổi.

⁶ (1) Thành lập mới 01 Liên hiệp HTX Nông nghiệp; (2) Tỷ lệ lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; (3) Kéo giảm đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật.

⁷ Ước 9 tháng đầu năm đạt 22% kế hoạch.

⁸ Các dự án: Khu công nghiệp Phú Thuận; Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam- Tiểu dự án thành phố Bến Tre; Cấp nước Cù Lao Minh; Hạ tầng thiết yếu đời sống khu dân cư phường 8, xã Phú Hưng - TP Bến Tre, Tái định cư sạt lở bờ sông Bến Tre;...

⁹ Nguyên nhân chính là do sự phối hợp giữa nhà đầu tư và địa phương trong công tác GPMB chậm. Đối với các dự án đã thông qua Nghị quyết Hội đồng nhân dân, địa phương chưa chủ động phối hợp lập hồ sơ đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư.

gặp nhiều khó khăn. Đội ngũ y, bác sĩ (kể cả bác sĩ, dược sĩ, cử nhân đào tạo theo địa chỉ sử dụng hệ chính quy) nghỉ việc nhiều¹⁰. Hoạt động du lịch phục hồi trở lại nhưng chủ yếu là khách nội địa, khách địa phương. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) sụt giảm so với năm trước¹¹, Chỉ số PAPI, SIPAS giảm đáng kể. Tình hình an ninh, trật tự liên quan các khiếu kiện của người dân diễn biến phức tạp, đặc biệt khiếu kiện đối với các dự án điện gió¹² và đất tập đoàn sản xuất¹³; phạm pháp hình sự giảm nhưng tội phạm giết người tăng cao (18/10 vụ); tình trạng tàu cá của tỉnh khai thác hải sản vượt qua ranh giới với vùng biển nước ngoài chưa được kéo giảm¹⁴; tai nạn giao thông chưa được kéo giảm về số vụ và số người chết (tăng 4,95% số vụ, tăng 11,46% số người chết).

Hội nghị thống nhất xác định 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tập trung chủ yếu các nội dung: Tập trung lãnh đạo hoàn thành việc cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá XIII, các nghị quyết của Bộ Chính trị, nhất là Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/04/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Lãnh đạo tổ chức tốt kỷ niệm các ngày lễ lớn trong 3 tháng cuối năm, triển khai các công việc theo kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 110 năm ngày sinh đồng chí Huỳnh Tấn Phát (15/02/1913-15/02/2023). Hoàn thành công tác xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các chức danh diện Trung ương quản lý và phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo đơn vị, địa phương nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031. Tập trung lãnh đạo hoàn thành Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai nhanh các dự án, công trình trọng điểm được Trung ương thông báo phân bổ vốn từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội. Tập trung triển khai Chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; phấn đấu công nhận thêm 03 xã Nông thôn mới nâng cao và 02 xã Nông thôn mới kiểu mẫu. Tiếp tục thực hiện tốt công tác

¹⁰ Từ đầu năm 2021 đến nay có 64 trường hợp nghỉ việc, trong đó có 13 bác sĩ (năm 2021 có 33 trường hợp; 4 tháng đầu năm 2022 có 31 trường hợp).

¹¹ Nguyên nhân do hầu hết các chỉ số thành phần đều tụt hạng (tiếp cận đất đai, cạnh tranh bình đẳng, thiết chế pháp lý, cạnh tranh bình đẳng, thiết chế pháp lý, tiếp cận đất đai và đào tạo lao động,...)

¹² Xây ra 02 lần/12 lượt người dân xã Thạnh Hải đến Ban Tiếp dân tỉnh và Trung ương (trụ sở ở TP HCM) phản ánh việc xây dựng nhà máy điện gió Thanh Phong; 01 vụ xô xát giữa 15 người dân và 07 công nhân thi công nhà máy điện gió Thanh Phong, làm 03 người dân xây sát.

¹³ Xây ra 32 lần/53 lượt quần chúng đến Ban Tiếp dân tỉnh khiếu nại đất tập đoàn sản xuất.

¹⁴ Đầu năm 2022 đến nay phát hiện 16 tàu cá vượt ranh giới với vùng biển nước ngoài; 09 tàu cá/54 thuyền viên khai thác hải sản trái phép bị lực lượng chức năng nước ngoài bắt giữ (tăng 02 phương tiện/3 thuyền viên so với cùng kỳ).

thông tin thị trường lao động (cung, cầu lao động), dự báo kết nối cung, cầu lao động; đẩy mạnh công tác tuyên truyền đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Lãnh đạo thực hiện tốt công tác quốc phòng, an ninh.

2. Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030

Hội nghị thống nhất nhận định: Qua 02 năm thực hiện các nhiệm vụ Chuyển đổi số theo Nghị quyết số 01-NQ/TU của Tỉnh ủy, nhìn chung các các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị đã tích cực, chủ động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo các chương trình, kế hoạch đã được ban hành và đạt một số kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Việc thực hiện 3 trụ cột chính về chuyển đổi số (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số) đạt được nhiều kết quả tích cực: 100% cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến huyện, 80% cán bộ cấp xã đã được trang bị máy tính kết nối mạng nội bộ và mạng internet băng rộng; 100% thủ tục hành chính (đủ điều kiện) thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, huyện, xã đã được cung cấp thành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.bentre.gov.vn>) và tích hợp vào cổng dịch vụ công quốc gia; Toàn tỉnh có hơn 1.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa có sử dụng nền tảng số, hơn 90% doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch, nông nghiệp, tài nguyên môi trường,... cũng tích cực triển khai các giải pháp chuyển đổi số, qua đó nâng cao chất lượng hoạt động của các ngành, phục vụ tốt hơn cho người dân và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Hội nghị thống nhất thời gian tới, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo thực hiện 3 nhóm nhiệm vụ giải pháp về cơ chế, chính sách về đầu tư và huy động các nguồn lực; về xây dựng chính quyền số; về kinh tế số và xã hội số.

3. Báo cáo sơ kết 04 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gắn với sơ kết thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển Bến Tre về hướng Đông giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Hội nghị thống nhất nhận định: Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết góp phần hình thành khung pháp lý để bảo đảm

công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn tỉnh. Các ngành, các huyện ven biển xác định được mục tiêu, nhiệm vụ về thu hút các nguồn lực xã hội cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển của tỉnh gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, nâng cao đời sống Nhân dân vùng ven biển. Lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió) phát triển mạnh, các dự án này đã tác động tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, góp phần quan trọng thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, chủ trương phát triển tỉnh Bến Tre về hướng Đông theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI. Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội tại 03 huyện ven biển ổn định, khu vực phòng thủ biên giới biển vững chắc, chủ quyền quốc gia trên biển luôn được giữ vững. Hội nghị xác định 12 nhóm nhiệm vụ giải pháp trong thời gian tới, trong đó các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể tập trung chỉ đạo, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết 36-NQ/TW và Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch để kịp thời chỉ đạo thực hiện đạt kết quả trên từng lĩnh vực; cần tập trung làm tốt công tác quy hoạch chung; quy hoạch xây dựng; quy hoạch sử dụng đất; quan tâm triển khai các khu lấn biển; kiến nghị khắc phục các khó khăn, vướng mắc vấn đề điện gió; tập trung phát triển ngành khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá, nuôi tôm công nghệ cao; phát triển kinh tế biển phải gắn với phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thích ứng và phòng chống biến đổi khí hậu.

4. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng – an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045

Hội nghị thống nhất 5 nhóm nhiệm vụ giải pháp để thực hiện Nghị quyết đạt kết quả: Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng; phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng; phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Các cấp ủy cần quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng và liên kết vùng. Liên kết vùng phải trở thành quan điểm chỉ đạo, chiến lược dẫn dắt sự phát triển toàn vùng và từng địa phương trong vùng. Hoàn thành và triển khai Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long bảo đảm tính

liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững.

5. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045

Hội nghị thống nhất các nhóm giải pháp triển khai thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW trong thời gian tới: Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững. Tập trung xây dựng, phát triển hệ thống đô thị bền vững và đồng bộ về mạng lưới. Đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng và hoàn thiện mô hình chính quyền đô thị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị. Phát triển kinh tế khu vực đô thị; đổi mới cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư phát triển đô thị.

6. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Hội nghị thống nhất các giải pháp xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới: Trong đó phải luôn bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, thống nhất quản lý Nhà nước của chính quyền, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ Công an, của Đảng ủy, Giám đốc Công an tỉnh đối với lực lượng Công an từ tỉnh đến cơ sở. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của Công an tỉnh theo quy định của Ngành; rà soát, đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các đơn vị cấp phòng, cấp đội và tương đương sát với thực tiễn yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nắm, phân tích, đánh giá, dự báo sát, đúng tình hình, kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền các chủ trương, đường lối, giải pháp phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên cho Nhân dân.

7. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao

Hội nghị thống nhất các nhóm giải pháp chủ yếu: Cần thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quản lý và sử dụng đất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương về quản lý và sử dụng đất đồng bộ với cơ chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyên đổi số và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai. Đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tập trung giải quyết cơ bản những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc kéo dài liên quan đến quản lý và sử dụng đất. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong quản lý và sử dụng đất.

8. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Hội nghị thống nhất các nhóm giải pháp chủ yếu: Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá. Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn.

9. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới

Hội nghị thống nhất các nhóm giải pháp chủ yếu: Nâng cao nhận thức về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến

khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước đối với kinh tế tập thể. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh Hợp tác xã tỉnh đối với phát triển kinh tế tập thể.

10. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới

Hội nghị thống nhất các nhóm giải pháp chủ yếu: Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia xây dựng, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiến hành Hội nghị thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và chức danh diện Trung ương quản lý nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 (Bước 4) bảo đảm theo quy định.

12. Thực hiện theo quy chế của Tỉnh ủy, tại Hội nghị lần này, Tỉnh ủy đã thực hiện việc kiểm tra chấp hành 6 đồng chí Tỉnh ủy viên. Nội dung kiểm tra xoay quanh việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được phân công và trách nhiệm chung trong Tỉnh ủy. Các đồng chí trong Tỉnh ủy đã đóng góp ý một cách cụ thể, thẳng thắn, chân tình, mang tính xây dựng, nhất là đối với các hạn chế để các đồng chí được kiểm tra thực hiện nhiệm vụ tốt hơn trong thời gian tới.

Phát biểu bế mạc Hội nghị, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy lưu ý: Thời gian từ nay đến cuối năm không còn nhiều, nhưng khối lượng công việc còn rất lớn, yêu cầu nhiệm vụ công việc rất cao, đòi hỏi phải có sự tập trung cao độ, nỗ lực lớn, quyết tâm cao, hành động quyết liệt, cộng đồng trách nhiệm, và kế hoạch hóa trách nhiệm rõ ràng, thực hiện các giải pháp đồng bộ và mạnh mẽ hơn nữa để thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết đã đề ra. Sau Hội nghị Tỉnh ủy, các cấp, các ngành tiến hành ngay việc rà soát các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ theo chức năng, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp cụ thể, sát thực tiễn, nhằm đạt các chỉ tiêu Nghị quyết đã đề ra, chuẩn bị thực hiện việc đánh giá, tổng kết năm 2022, làm cơ sở để xây dựng Nghị quyết cấp ủy

các cấp năm 2023 và sơ kết giữa nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI vào năm 2023.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kêu gọi Đảng bộ và Nhân dân tỉnh nhà, tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần năng động, sáng tạo, đoàn kết vượt qua khó khăn, quyết tâm thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy năm 2022, tạo khí thế tiến công hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XI